

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT
Ngày 28-03-2018
V/v Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Nguyệt**
- *Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Hữu Mừng**
Ông **Nguyễn Hữu Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nghi** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/HNGĐ-PT ngày 10/10/2017 về việc “*Không công nhận là vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô M*”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2017/QĐ-PT ngày 31/10/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Trú tại: thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

* *Bị đơn:* Ông Ngô M, sinh năm 1964

Trú tại: thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Quý tín dụng nhân dân Lộc Thanh

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quang V, chức vụ: Giám đốc

Trụ sở: 48 đường Lê Lợi, xã T, Tp.Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

* *Người kháng cáo:* Ông Ngô M và Quý tín dụng nhân dân Lộc Thanh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 11/10/2016 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Bà T và ông M chung sống với nhau từ năm 1992 không đăng ký kết hôn. Việc chung sống hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống bà T và ông M sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M thường xuyên say xỉn quậy phá, đánh đập vợ con. Bà T và ông M không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay tình cảm không còn nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông M.

Ý kiến của ông M: Ông và bà T chung sống với nhau từ năm 1992 (chung sống không thường xuyên), phần ai nấy sống, việc ai nấy làm, tiền ai nấy giữ nên không đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống giữa ông và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T thường xuyên bỏ nhà đi. Nay tình cảm không còn nên ông M đồng ý với yêu cầu của bà T là đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung:

Ý kiến của bà T và ông M: Quá trình chung sống ông và bà T có hai con chung là Ngô T, sinh ngày 20/12/1992 và Ngô S sinh ngày 25/9/2001. Hiện nay cháu T đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật ốm đau phải sống phụ thuộc vào bố mẹ nên bà T và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu S bị bệnh chậm phát triển tâm thần, không thể học hành, không làm được việc gì ngay cả chăm sóc bản thân. Khi yêu cầu không công nhận vợ chồng bà T yêu cầu được nuôi cháu Sơn, bà T yêu cầu ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Sơn đủ khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Ông M cũng yêu cầu được nhận nuôi con chung là cháu S, ông M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, nếu tại phiên tòa cháu S có nguyện vọng được ở với bà T thì ông M đồng ý giao cháu S cho bà T nuôi dưỡng, ông M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Ý kiến của bà T: Quá trình chung sống bà và ông M có tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Diện tích đất 3.445m² + tài sản trên đất thuộc thửa 155, tờ bản đồ 31, H, B, Lâm Đồng. Nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Thái, bà Ba.

- Diện tích đất 2.640m² + tài sản trên đất thuộc thửa 153, tờ bản đồ 31, L, B, Lâm Đồng. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phúc, bà Hoa.

Ngoài ra còn một số tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng bà T yêu cầu chia đôi tài sản chung là đất + tài sản trên đất, bà T yêu cầu chia bằng hiện vật. Do bà T nuôi con nên bà T yêu cầu được nhận phần tài sản có nhà ở. Nếu ai nhận phần tài sản có giá trị cao hơn thì phải thanh toán lại giá trị chênh lệch. Đối với tài sản chung khác bà T không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của ông M: Quá trình chung sống ông M, bà T không tạo lập được tài sản chung nào. Toàn bộ diện tích đất + tài sản trên đất thuộc thửa 155, thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, B, Lâm Đồng là tài sản riêng của ông M, không liên quan gì đến bà T nên ông M không đồng ý chia cho bà T mà ông M chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà T số tiền 50.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vào khối tài sản riêng của ông.

Về nợ chung:

Ý kiến bà T: Quá trình chung sống bà và ông M có vay nợ chung Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh – Phòng giao dịch Lộc Nga số tiền 100.000.000 đồng.

Ý kiến ông M: Ông và bà T quá trình chung sống không vay nợ chung ai, khoản nợ vay của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc thanh – Phòng giao dịch Lộc Nga số tiền 100.000.000 đồng là nợ riêng của ông M, ông M vay để xây nhà.

Bà T và ông M thống nhất với bản trích đo địa chính thửa đất có lồng ghép hồ sơ địa chính để kiểm tra ngày 17/4/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B và chứng thư thẩm định giá ngày 06/5/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Ngô M là vợ chồng

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô S, sinh ngày 25/9/2001 cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Ngô M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu Sơn đủ 18 tuổi. Sau khi cháu Sơn đủ 18 tuổi không tự lao động để nuôi sống được bản thân thì ông M tiếp tục phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho đến khi cháu S tự lao động nuôi sống được bản thân.

3. Về tài sản chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 1.606,5m² đất thuộc một phần thửa 155, tờ bản đồ 31 tại L, B, Lâm Đồng, trên đất có cây cà phê + 01 cây sầu riêng và 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tol, nền gạch bông diện tích 91,2m². Phần đất bà T được chia có tứ cận như sau: một phía giáp thửa 181, 474 tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, một phía giáp đường đi chung của bà T, ông M, một phía giáp đất của bà T, ông M được chia phía sau (một phần thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, Lâm Đồng), một phía giáp đất của ông M được chia (một phần thửa 155, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

Giao cho ông Ngô M được quyền sử dụng 1.606,5m² đất thuộc một phần thửa 155, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có cây cà phê + 01 cây sầu riêng. Phần đất ông M được chia có tứ cận như sau: Một phía giáp thửa 109, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, một phía giáp đất bà T được chia (một phần thửa 155, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng), một phía giáp đường đi chung của bà T, ông M, một phía giáp đất ông M được chia phía sau (một phần thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

Bà T và ông M được sử dụng chung 73m² đất làm đường đi có chiều ngang 3m, chiều dài 24,42m thuộc một phần thửa 155, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 1.320m² đất thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có cây cà phê. Phần đất bà T được chia có tứ cận như sau: một phía giáp thửa 419, 180, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, một phía giáp thửa 474, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và phần đất bà T được chia phía trước (thửa 155, tờ bản đồ 32, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng), một phía giáp đất ông M được chia (một phần thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng), một phía giáp thửa 151, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Giao cho ông Ngô M được quyền sử dụng 1.320m² đất thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có cây cà phê. Phần đất ông M được chia có tứ cận như sau: Một phía giáp thửa 154, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, một phía giáp phần đất bà T ông M được chia phía trước (thửa 155, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng), một phía giáp phần đất bà T, ông M được chia phía trước (thửa 155, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng), một phía giáp đất bà T được chia (một phần thửa 153, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng), một phía giáp thửa 151, tờ bản đồ 31, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Theo trích đo địa chính thửa đất có lồng ghép hồ sơ địa chính để kiểm tra ngày 17/4/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B.

Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án được chia tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Ngô M 96.900.000 đồng do bà T nhận hiện vật có giá trị cao hơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2017 bị đơn ông Ngô M kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần chia tài sản.

Ngày 21/8/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại việc chia tài sản chung giữa bà T và ông M vì tài sản hiện đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phía nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân xã Lộc Thanh, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô M. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hôn nhân: Sau khi xét xử các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông M thì thấy rằng: Về con chung ông M kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Ngô S. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện cháu bị bệnh chậm phát triển tâm thần (BL 06) và tại phiên tòa sơ thẩm cháu có nguyện vọng được ở với bà T nên cấp sơ thẩm đã giao cho bà T nuôi dưỡng, buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp nên kháng cáo của ông M là không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà T và ông M chung sống với nhau từ năm 1992 đến tháng 3/2016 và có 2 con chung. Quá trình chung sống cùng tạo lập nên tài sản chung, sau khi nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Phúc, bà Hoa và vợ chồng ông Thái, bà Ba thì ông M, bà T cùng nhau đầu tư chăm sóc cây trồng trên đất. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông M. Tuy nhiên, theo kết quả xác M của Tòa án cấp sơ thẩm những người chuyển nhượng đất đều khẳng định chuyển nhượng cho ông M, bà T, việc trả tiền và giao đất đều do ông M và bà T thực hiện. Ông M cho rằng tiền mua thửa đất 155 là do ông bán đất ở Đồng Nai nhưng bà T không thừa nhận và cho rằng vợ chồng cùng tạo lập và trả dần cho bố mẹ bà là ông Thái, bà Ba. Việc mua vật liệu xây dựng làm nhà cũng do bà T đứng ra nhờ người mua và bà T trả tiền (BL 88, 89). Đối với tài sản là diện tích 3.445m² thì tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2016 ông Ba, bà Thái trình bày ông bà chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông M, bà T vào năm 1992, trong giấy chuyển nhượng chỉ ghi tên ông M nhưng trả vàng thì khi bà T trả, khi ông M trả (BL38). Do đó, cấp sơ

thẩm đã xác định là tài sản chung là đúng có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống bà T và ông M đã thế chấp 2 thửa đất 155, 153 và toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất để vay của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh- Phòng giao dịch Lộc Nga số tiền 100.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chưa giải quyết nợ nhưng lại đem tài sản thế chấp chia cho cho bà T, ông M và tuyên cho bà T, ông M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án được chia là không đúng. Bởi lẽ, Khoản 8 Điều 320 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*không được bán, thay đổi, trao đổi tặng cho tài sản thế chấp*”. Khoản nợ quỹ tín dụng đang còn tranh chấp bà T cho rằng nợ chung, ông M xác định nợ riêng và cấp sơ thẩm cũng chưa xác định ai là người phải có trách nhiệm trả nợ cho quỹ tín dụng. Tài sản thế chấp và nợ phải được giải quyết trong cùng một vụ án thì mới đảm bảo cho việc thi hành án. Do chưa giải quyết nợ nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện B, thụ lý, giải quyết lại.

Từ những phân tích cần chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung. Do hủy một phần bản án như đã nhận định nên chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của ông M về phần tài sản.

Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Buộc bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (do tiền tạm ứng án phí hôn nhân và chia tài sản cấp sơ thẩm thông báo cho bà T nộp chung một biên lai nên không thể cản trừ trong bản án này). Buộc ông M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng bà T đã nộp và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh, hủy một phần bản án sơ thẩm. Xử:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Ngô M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô S, sinh ngày 25/9/2001 cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Ngô M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 tháng, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Sau khi cháu S đủ 18 tuổi không tự lao động để nuôi sống được bản thân thì ông M tiếp tục phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho đến khi cháu S tự lao động nuôi sống được bản thân.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cũng như quyền thăm nom, chăm sóc con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Hủy một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện B về phần tài sản chung và nợ chung. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

4. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc ông Ngô M phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004840 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Hoàn trả cho ông Ngô M số tiền 100.000 đồng.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004858 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện B (2);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hồng

Nguyễn Hữu Mừng

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Lâm Hà (2);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Hữu Mừng

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hồng

Nguyễn Kim Đồng

Nguyễn Hữu Mừng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đức Trọng (2);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

- Lưu AV - HS.

Nguyễn Hữu Mừng